TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B** **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày 26-6-2023
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Hiệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Dương Thị Cúc.

2. Bà Nông Thị Ái Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Nam Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Lương Thị Kiều - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vi Thị T, sinh năm 1999.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Có mặt.

Nơi ở hiện nay: Thôn B, xã Y, huyện B, tỉnh Lạng Sơn

2. Bị đơn: Anh Nông Ngọc H, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Vi Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vi Thị T và anh Nông Ngọc H được tự do tìm hiểu nhau và được hai bên gia đình tổ chức hôn lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương; đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện B ngày 25 tháng 01 năm 2018. Quá trình chung sống với nhau ban đầu rất hạnh phúc. Tuy nhiên, sau khi có người con chung thứ hai là Nông Ngọc T, sinh ngày 06/4/2020 thì bố mẹ chồng và anh Nông Ngọc H nghi ngời chị Vi Thị Tho ngoại tình, cho rằng cháu Nông Ngọc T không phải con chung nên đã phát sinh mâu thuẫn. Sau khi sinh được 50 ngày thì chị Vi Thị T và cháu Nông Ngọc T về gia đình mẹ đẻ tại thôn B, xã Y, huyện B sinh sống ly thân với anh Nông Ngọc H từ khoảng tháng 6 năm 2020 cho đến nay. Quá trình sống ly thân hai bên không liên lạc, không quan tâm hỏi han nhau. Xác định không còn tình cảm nên chị Vi Thị T đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nông Ngọc H.

Về con chung: Có 02 con chung là Nông Yến N, sinh ngày 18/5/2018, Nông Ngọc T, sinh ngày 06/4/2020.

Tại phiên tòa chị thay đổi quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết: Khi ly hôn, chị Vi Thị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 người con chung là Nông Ngọc T đến khi đủ 18 tuổi.

Chị Vi Thị T từ chối nhận quyền nuôi con chung Nông Yến N. Chị Vi Thị T để con chung là cháu Nông Yến N cho anh Nông Ngọc H nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chị Vi Thị T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung Nông Yến N, phương thức cấp dưỡng theo tháng, mức cấp dưỡng là 500.000đ/ 1 tháng thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2023 đến khi cháu Nông Yến N đủ 18 tuổi và tính lãi chậm trả theo quy định và hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không có.

Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng theo quy định.

Về phía bị đơn, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng anh Nông Ngọc H không đến Tòa án tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh với đại diện Ủy ban nhân dân xã T, huyện B và Công an xã T, huyện B, người thân anh Nông Ngọc H đều khẳng định anh Nông Ngọc H có hộ khẩu thường trú tại thôn K, xã T, huyện B hiện nay đi làm xa không có mặt tại địa phương nhưng vẫn liên lạc về gia đình. Tòa án đã tiến hành giao các giấy triệu tập, thông báo đến đại diện gia đình thông báo cho anh Nông Ngọc H và có biên bản giao nhận. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản sự việc và niêm yết biên bản, làm thủ tục đăng tin theo đúng quy định pháp luật.

Qua xác minh, đại diện gia đình anh Nông Ngọc H cho biết hai vợ chồng mâu thuẫn do chị Vi Thị T ngoại tình. Chị Vi Thị T đã bỏ khỏi nhà, không trở về địa phương sống ly thân với anh Nông Ngọc H từ tháng 4 năm 2020 cho đến nay. Qúa trình chung sống có hai người con chung là Nông Yến N, sinh ngày 18/5/2018 và Nông Ngọc T, sinh ngày 06/4/2020. Cháu Nông Yến N từ nhỏ đã sinh sống cùng anh Hiếu và ông bà nội. Sức khỏe ông bà nội ổn định, bình thường, thu nhập ổn định. Do vậy, đại diện gia đình anh Nông Ngọc H có

nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nông Yến N đến tuổi trưởng thành. Quá trình Tòa án giải quyết có gửi giấy triệu tập cho anh Nông Ngọc H, gia đình có nhận được. Nay đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn anh Nông Ngọc H không đến Tòa án tham gia trong quá trình tố tụng và nguyên đơn chị Vi Thị T có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các bước về trình tự, thủ tục tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn chị Vi Thị T đã chấp hành, thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự như thực hiện quyền khởi kiện; nộp các tài liệu, chứng cứ chứng minh yêu cầu của mình; có mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm. Còn bị đơn anh Nông Ngọc H không chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; qua tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Vi Thị T. Về con chung: Có 02 con chung là Nông Yến N, sinh ngày 18/5/2018, Nông Ngọc T, sinh ngày 06/4/2020. Khi ly hôn, chị Vi Thị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 01 người con chung là Nông Ngọc T đến khi đủ 18 tuổi. Anh Nông Ngọc H nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục con chung Nông Yến N đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị Vi Thị T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con chung Nông Yến N, phương thức cấp dưỡng theo tháng, mức cấp dưỡng là 500.000đ/ 1 tháng và tính lãi chậm trả theo quy định đến khi con chung Nông Yến N đủ 18 tuổi và hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn Chị Vi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật, nguyên đơn chịu chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Chị Vi Thị T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Vì vậy quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo

khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nông Ngọc H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở tại thôn K, xã T, huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đơn vắng mặt trong toàn bộ vụ án. Tuy nhiên, Tòa án đã tống đạt văn bản tố tụng, niêm yết, đăng tin trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 173 bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, đã bảo đảm quyền của bị đơn. Bị đơn anh Nông Ngọc H vắng mặt tại phiên tòa xét xử lần thứ hai không có lý do; mặc dù đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Nông Ngọc H là có căn cứ đúng quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa chị Vi Thị T và anh Nông Ngọc H là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện B nên quan hệ hôn nhân giữa chị Vi Thị T và anh Nông Ngọc H là hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do chị Vi Thị T ngoại tình, dẫn đến vợ chồng không còn có tiếng nói chung, không còn tình cảm. Anh Nông Ngọc H đi làm ăn xa địa phương, không còn quan tâm, liên lạc với chị Vi Thị T. Còn chị Vi Thị T đã bỏ về nhà mẹ đẻ ở thôn B, xã Y, huyện B và đã sống ly thân từ tháng 6/2020 đến nay phù hợp với nội dung xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Tân Văn, Công an xã Tân Văn, người thân của anh Nông Ngọc H. Như vậy, có căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Vi Thị T và anh Nông Ngọc H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Vi Thị T yêu cầu ly hôn với anh Nông Ngọc H là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là Nông Yến N, sinh ngày 18/5/2018 và Nông Ngọc T, sinh ngày 06/4/2020. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay chị Vi Thị T đi làm công nhân tại Thành phố Bắc Ninh thu nhập không ổn định, ,mức lương hàng tháng được trung bình 5.000.000 đồng/1 tháng, phải đi ở trọ, không có chỗ ở ổn định. Hiện nay chị đang nuôi dưỡng cháu Nông Ngọc T nên việc nuôi dưỡng cả 02 người con chung là không đảm bảo, đồng thời chị Vi Thị T từ chối nuôi dưỡng người con Nông Yến N. Chị Vi Thị T không có tài sản riêng, không có chỗ ở riêng và sống nhờ nhà bố mẹ ruột tại thôn B, xã Y, huyện B. Hai bố mẹ làm nông nghiệp không có điều kiện kinh tế. Gia đình ở xa trường học nên không đảm bảo việc nuôi dưỡng cả 02 người con.Thời điểm chị Vi Thị T bỏ đi đến nay việc nuôi dưỡng cháu Nông Yến N do anh Nông Ngọc H và bố mẹ chồng nuôi dưỡng chăm sóc tốt, không có hành vi ngược đãi, đánh đập; điều kiện kinh tế ổn định, nhà gần trường học đi lại thuận lợi đáp ứng tốt cho việc

chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nông Yến N có xác nhận của chính quyền địa phương. Do đó, việc để cháu Nông Yến N cho anh Nông Ngọc H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Việc chị Vi Thị T tự nguyện cấp dưỡng hàng tháng, mức cấp dưỡng 500.000 đồng/1 tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7/2023 đến khi cháu Nông Yến N đủ 18 tuổi và tính lãi chậm trả theo quy định của pháp luật là tự nguyện không trái pháp luật nên được chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận khi ly hôn anh Nông Ngọc H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Nông Yến N đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Vi Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Nông Ngọc T đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận chị Vi Thị T tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Nông Yến N mỗi tháng 500.000 đồng, phương thức cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2023 đến khi cháu Nông Yến N đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và tính lãi chậm trả. Hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở. Trường hợp cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Chị Vi Thị T trình bày là không có; trong quá trình giải quyết vụ án anh Nông Ngọc H vắng mặt không có ý kiến gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc chị Vi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Vi Thị T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005534 ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nay chị Vi Thị T phải nộp thêm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để sung ngân sách nhà nước.

[7] Về chi phí tố tụng: Tòa án đã tiến hành đăng tin tổng là 4.500.000 đồng. Nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng là hoàn toàn tự nguyện nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận nguyên đơn đã nộp đủ.

[8] Xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27; điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Vi Thị T được ly hôn với anh Nông Ngọc H.

2. Về con chung: Có 02 con chung là Nông Yến N, sinh ngày 18/5/2018 và Nông Ngọc T, sinh ngày 06/4/2020. Khi ly hôn, chị Vi Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nông Ngọc T; anh Nông Ngọc H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nông Yến N đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Vi Thị T cấp dưỡng cháu Nông Yến N mỗi tháng 500.000 đồng, phương thức cấp dưỡng được thực hiện hàng tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2023 đến khi cháu Nông Yến N đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung không ai cản trở.

Trường hợp cần thiết hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu; mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vi Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Tổng cộng là 600.000đ (sáu trăm nghìn đồng). Xác nhận chị Vi Thị T đã nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0005534 ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lạng Sơn. Nay chị Vi Thị T phải nộp thêm 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để sung ngân sách nhà nước.

5. Chi phí tố tụng: Chị Vi Thị T phải chịu 4.500.000 đồng chi phí tố tụng. Ghi nhận chị Vi Thị T đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Vi Thị T có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh Nông Ngọc H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện B, tỉnh Lạng Sơn;
- UBND xã Y, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Thị Hiệt